

Bản án số: 40/2025/HS-ST

Ngày: 02/4/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nông Hữu Thái.

2. Bà Phạm Thị Sinh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Thêu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2025/HSST ngày 13/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST - HS ngày 21 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Hồ Thế V (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12/01/1994 tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Ch (nay là thôn Qu) xã C, huyện Ch, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Xuân Th và bà Đinh Thị L; có vợ: Hoàng Thị Qu và 01 con (sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: 01 (Ngày 19/12/2023, bị Công an huyện B1, tỉnh xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức “phạt tiền”, mức phạt 2.500.000 đồng); nhân thân: Ngày 21/02/2017, bị Công an huyện Tr, tỉnh C1 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác”, hình thức “Cảnh cáo”. Ngày 14/10/2024, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện Ch, tỉnh B ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn 01 năm.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/12/2024 cho đến nay. Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

* **Bị hại:** Bà Ma Thị B, sinh năm 1973; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn Qu, xã D, thành phố B2, tỉnh B. Vắng mặt.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1984; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ 1, phường Ng, thành phố B2, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Ông Nông Văn Ch, sinh năm 1966; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Thôn Ch (nay là thôn Qu), xã C, huyện Ch, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 26/12/2024, Hồ Thế V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 320xx đi từ thôn Ch (nay là thôn Qu), xã C, huyện Ch đến thành phố B2, tỉnh B để tìm việc làm. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, V đi đến công trình xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tại tổ 8B, phường Ph, thành phố B thì dừng xe ở sân trước và đi vào tầng 1 hỏi xin việc nhưng không thấy có ai, V tiếp tục đi lên tầng 3 thì gặp bà Ma Thị B và một người đàn ông đang làm việc, V có hỏi về việc có nhận người làm không thì được trả lời không biết vì là người làm thuê. Sau đó, V đi dọc hành lang tầng 3 thì phát hiện 02 (hai) chiếc điện thoại di động để trên nền nhà, trong đó có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, màu xanh của bà Ma Thị B, quan sát xung quanh thấy không có người nên V nảy sinh ý định trộm cắp. V đi đến vị trí đặt 02 (hai) chiếc điện thoại, rồi dùng tay phải cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, màu xanh của bà Bền cho vào túi áo khoác bên trong, phía bên trái V đang mặc rồi đi xuống sân, lấy xe mô tô rồi rời khỏi công trình. Sau đó, Vinh đi đến cửa hàng mua bán điện thoại Th thuộc phường Đ, thành phố B để bán nhưng chủ quán không mua vì điện thoại có mật khẩu. Vinh tiếp tục điều khiển xe đi đến cửa hàng điện thoại B4 thuộc tổ 9A, phường Đ, thành phố B2, tại đây V gặp anh Nguyễn Trọng H và nói chiếc điện thoại vừa trộm cắp được là của chị gái, do quên mật khẩu nên cần phá mật khẩu. Anh H đồng ý phá mật khẩu với giá là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và nói đến khoảng 17 giờ cùng ngày mới xong thì V đồng ý. Sau đó V điều khiển xe đi chơi, một lúc sau V quay lại gặp anh H lấy điện thoại và nói chị gái muốn bán điện thoại rồi hỏi anh H có mua không thì anh H đồng ý mua chiếc điện thoại với giá 1.000.000đ (Một triệu đồng). Toàn bộ số tiền bán điện thoại V đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 190/KL - HĐĐGTSTXTTTHS ngày 27/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A23, dung lượng 128 GB, màu xanh, đã qua sử dụng, giá trị tài sản là 2.133.000đ (Hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSTP ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Hồ Thế V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hồ Thế V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, **khoản 2** Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giam ngày 30/12/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, **người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Khoảng 15 giờ ngày 26/12/2024, tại tổ 8B, phường Ph, thành phố B2, Hồ Thế V đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 trị giá 2.133.000đ (Hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn đồng) là tài sản của bà Ma Thị B, sau đó mang bán cho anh Nguyễn Trọng H được số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) rồi tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo có nhân thân xấu. Có 01 tiền sự (Ngày 19/12/2023, bị Công an huyện B1, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hình thức “phạt tiền” mức phạt 2.500.000 đồng); nhân thân: Ngày 21/02/2017, bị Công an huyện Tr, tỉnh C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác”, hình thức “Cảnh cáo”. Ngày 14/10/2024, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C1, huyện Ch, tỉnh B ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn 01 năm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Bị cáo đã nhiều lần vi phạm pháp luật, bị xử lý hành chính nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Bởi vậy cần phải có một mức án thật nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung “Phạt tiền” đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Ma Thị B đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.300.000 đồng là số tiền đã bỏ ra mua và phá mật khẩu chiếc điện thoại. Tại phiên tòa anh H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu. Bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) cho anh H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

* Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, màu xanh là tài sản của bị hại bà Ma Thị B. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật, bị hại không có ý kiến, đề nghị gì.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển kiểm soát 97B1 – 320xx. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của ông Nông Văn Ch. Việc bị cáo mượn xe rồi sử dụng vào việc phạm tội ông Ch không biết, ông Chùng đã nhận lại chiếc xe và không có ý kiến, đề nghị gì.

Đối với số tiền bị cáo bán điện thoại, do bị cáo đã chi tiêu hết nên không thu giữ được.

* Đối với anh Nguyễn Trọng H là người đã mua tài sản bị cáo trộm cắp của bị hại, qua điều tra xác định anh H không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp rồi mang đi bán nên không xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Hồ Thế V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Thế V 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giam ngày 30/12/2024.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hồ Thế V phải bồi thường cho anh Nguyễn Trọng H số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Thế V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh
- Phòng Thi hành án hình sự và
Hỗ trợ tư pháp CA tỉnh (PC10);
- Chi cục THADS thành phố;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương